

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 85/2025/HN-ST
Ngày: 26/3/2025
V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phan Văn Duy

+ Ông Lê Văn Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 08/2025/TLST-HN ngày 08/01/2025 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/03/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **NGUYỄN TẤN T**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh T (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* **NGUYỄN THỊ KIM X**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày:* Anh và chị X cưới nhau vào năm 1998 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiểng Phước. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị X nghi ngờ anh và bỏ về nhà mẹ ruột đến nay. Anh và chị X sống ly thân nhau từ năm 2003 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên anh xin được ly hôn với chị X.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày xx/xx/xxxx và Nguyễn Tấn L, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện con đã trưởng thành, khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim X đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị X nhưng chị X không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T và chị X tự nguyện kết hôn vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiểng Phước, nay anh T xin ly hôn với chị X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”. Bị đơn chị X trú tại địa chỉ: ấp Xóm Chủ, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn **chị X** đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị X vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị X theo quy định tại điểm Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T yêu cầu xin ly hôn với chị X do bất đồng quan điểm sống, chị X nghi ngờ anh và bỏ về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Anh T và chị X có thời gian ly thân từ năm 2023 đến nay, trong thời gian ly thân anh chị đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Chị X vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị X vẫn không đến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh T, chứng tỏ chị X không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị X là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày xx/xx/xxxx và Nguyễn Tấn L, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện con đã trưởng thành, khi ly hôn anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: do anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 điều 277, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân ;
- Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tấn T.

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim X.

[2] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013879 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên anh T đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Kiểng Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyễn

